

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8, năm 2026

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ/Authorized Participants
- Các Đại lý phân phối/Distributors
- Các Nhà Đầu Tư/Investors

**- Địa chỉ trụ sở:** Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh/ **Main office address:** 5th Floor, HM Tower, 412 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City

*We announce the tentative basket of component securities for capital contribution to establish the VNDIVIDEND as follows:*

1. Thời gian đăng ký góp vốn/IPO subscription registration period: **từ ngày 28/07/2026 tới ngày 24/08/2026**
2. Thời gian thực hiện góp vốn/ IPO subscription period: **từ ngày 25/08/2026 tới ngày 08/09/2026**
3. Đơn vị tính: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
*Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF units*
4. Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu dự kiến hoán đổi lấy 01 lô chứng chỉ quỹ ETF:  
*Components and weights of the tentative basket of component securities for 01 ETF lot:*

| STT<br>No.  | Mã chứng khoán<br>Securities code | Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)<br>Volume/Amount | Tỷ lệ % trong danh mục<br>Weight (%) |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>I.</b>   | <b>Chứng khoán / Stock</b>        | <b>980,145,000</b>                            | <b>98.0</b>                          |
| 1           | VNM                               | 2,500                                         | 15.80                                |
| 2           | FPT                               | 2,100                                         | 14.99                                |
| 3           | SSI                               | 7,000                                         | 14.88                                |
| 4           | MWG                               | 1,900                                         | 14.27                                |
| 5           | GMD                               | 1,400                                         | 10.85                                |
| 6           | HCM                               | 2,400                                         | 6.30                                 |
| 7           | PNJ                               | 1,400                                         | 5.97                                 |
| 8           | REE                               | 700                                           | 3.23                                 |
| 9           | SAB                               | 500                                           | 2.31                                 |
| 10          | GVR                               | 500                                           | 1.61                                 |
| 11          | VHC                               | 300                                           | 1.59                                 |
| 12          | PLX                               | 400                                           | 1.52                                 |
| 13          | DCM                               | 400                                           | 1.26                                 |
| 14          | FTS                               | 500                                           | 1.13                                 |
| 15          | VGC                               | 200                                           | 0.82                                 |
| 16          | DPG                               | 200                                           | 0.61                                 |
| 17          | SCS                               | 100                                           | 0.46                                 |
| 18          | BCM                               | 100                                           | 0.42                                 |
| <b>II.</b>  | <b>Tiền / Cash</b>                | <b>19,855,000</b>                             | <b>2.0</b>                           |
| <b>III.</b> | <b>Tổng / Total (=I+II)</b>       | <b>1,000,000,000</b>                          | <b>100</b>                           |

1 - C  
NG T  
PHẢI  
QUỸ Đ  
G KHC  
N VII  
HỒ



**5. Chênh lệch giữa DMCKCC và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi:**

*Spread between the value of basket of component securities and the value of 01 ETF creation lot:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu / Basket value (VND): 980,145,000

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF / The value of 01 ETF creation lot (VND): 1,000,000,000

+ Giá trị chênh lệch / Spread in value (VND): 19,855,000

+ Phương án xử lý đối với Nhà đầu tư góp vốn / Settlement plan:

Nhà đầu tư nộp bằng tiền  
Investor transfers cash to Fund's account

**6. Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được góp vốn thay thế bằng tiền (nếu có)**

*In case, component securities can be replaced by cash (if any):*

| Mã chứng khoán<br>Securities code | Tiền thay thế tương ứng<br>1 cổ phiếu (VND) | Đối tượng áp dụng<br>Applied party                      | Lý do<br>Reason                                                                                  |
|-----------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| REE                               | 50,765                                      | Nhà Đầu tư nước ngoài                                   | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa /<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| PNJ                               | 46,915                                      | Nhà Đầu tư nước ngoài                                   | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa /<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| MWG                               | 83,610                                      | Nhà Đầu tư nước ngoài                                   | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa /<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| HCM                               | 28,875                                      | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) | Cổ phiếu quỹ                                                                                     |

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2026

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**PHẠM PHO HOP**